

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HSST

Ngày: 18- 6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Nguyễn Thị Đào.

- Thư ký phiên toà: Bà vũ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2021/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm: 1992

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Trọng T1(đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lý Xuân T, sinh năm 1996

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn M, xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lý Hồng T2, (đã chết) và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm: 1960.

Chung sống như vợ chồng với chị Phan Thị Như Q; Có 01 con, sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/6/2016 bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Bị can đã chấp hành xong hình phạt

tù ngày 11/7/2018 tại trại giam Xuân Hà, chấp hành xong án phí ngày 26/9/2017.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Lê Thị C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Trần Thị T3, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn M2, xã T, huyện T, tỉnh Kon Tum.

Người làm chứng: Chị Trần Thị H1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm Y, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi đã bàn bạc và lên kế hoạch, ngày 19/11/2020, Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, ở thôn H, xã L, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cùng Lý Xuân T, sinh năm 1996, ở thôn M, xã K1, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (H và T khi phạm tội sinh sống ở phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đến khu vực vườn keo gần khu công nghiệp Amata, thuộc khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, đem theo 08 điện thoại di động các loại và nhiều sim rác, mục đích để gọi điện lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đến vườn keo, Nguyễn Văn H lấy điện thoại di động đã gắn sẵn sim rác, số thuê bao 0869224962 và bấm số thuê bao ngẫu nhiên mạng Viettel để gọi điện. Sau một lúc, thì H bấm vào số 0969510897 của chị Lê Thị C, sinh năm 1972, ở thôn X, xã T, huyện T, chị C vừa nghe máy thì H nói với chị C, H là nhân viên ngân hàng Vietcombank và thông báo số điện thoại của chị C đã may mắn trúng giải nhì trong chương trình quay số điện thoại ngẫu nhiên từ ngân hàng, giải thưởng mà chị C nhận được là 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SH trị giá 65.000.000 đồng và 01 sổ tiết kiệm trị giá 250.000.000 đồng. Sau đó, H yêu cầu chị C cung cấp tên tuổi, địa chỉ để làm thủ tục nhận thưởng. Đồng thời, để tạo thêm niềm tin cho chị C, H cung cấp cho chị C số điện thoại 0903854417, nói là số của anh H (ở Nghệ An) là người đã trúng giải nhất, để chị C gọi điện xác minh. Khi chị C gọi điện thì T có nhiệm vụ giả danh là anh H để nói cho chị C biết là mình đã trúng giải nhất, đã được nhận quà và phải nộp một khoản tiền để nhận giải.

Sau khi gọi cho anh H (do T giả danh), chị C tin tưởng mình đã trúng thưởng nên gọi lại cho H để hỏi thủ tục nhận giải thì H nói "*lát nữa sẽ có người bên Cảnh sát giao thông gọi điện hướng dẫn để chị làm thủ tục đăng ký xe máy*". Sau khi nghe điện thoại của chị C, H bảo T giả danh làm Cảnh sát giao thông gọi điện cho chị C. T đồng ý và dùng điện thoại di động gắn sim số 0869224962 gọi điện cho chị C, yêu cầu chị C chuyển số tiền 12.500.000 đồng vào số tài khoản 107869629409 mang tên Nhân Quốc H1, ngân hàng Viettin bank và dặn kỹ phải ghi rõ nội dung chuyển tiền là "KH6789", để làm thủ tục đăng ký xe máy. Tin tưởng mình đã trúng thưởng, nên ngày 20/11/2020 Chị C đến Bưu điện Việt Nam,

chi nhánh huyện Triệu Sơn chuyển số tiền 12.500.000 đồng theo lời của T vào số tài khoản trên. Sau khi chị C chuyển số tiền trên, T tiếp tục dùng số thuê bao 0867587802 gọi điện cho chị C giả danh nhân viên thu ngân của ngân hàng yêu cầu chị C phải chuyển thêm 25.000.000 đồng để nộp thuế thì mới nhận được tiền trúng thưởng. Chị C nói không còn tiền thì T nói chị C có thể chuyển 10.000.000 đồng và hẹn sau khi chị C chuyển tiền thì 16 giờ cùng ngày sẽ đến tận nhà chị C trao thưởng. Chị C đồng ý và tiếp tục đến Buu điện Triệu Sơn chuyển thêm 10.000.000 đồng vào tài khoản trên. Sau khi chuyển tiền xong, chị C gọi điện lại cho T và H thì không liên lạc được. Biết đã bị lừa, ngày 23/11/2020 chị C đến Công an huyện Triệu Sơn trình báo, giao nộp 02 giấy chuyển tiền và 01 đĩa DVD (ghi lại nội dung các cuộc nói chuyện trên điện thoại mà T và H gọi cho chị để lừa đảo).

Quá trình điều tra mở rộng vụ án xác định, với cùng thủ đoạn và cách thức như trên. Ngày 02/12/2020 và ngày 03/12/2020, Nguyễn Văn H và Lý Xuân T còn gọi điện cho chị Trần Thị T3, sinh năm 1978, ở thôn M, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum thông báo chị T3 đã trúng giải nhì từ chương trình quay số trúng thưởng từ ngân hàng, giải thưởng là 01 xe máy SH trị giá 90.000.000đ và 01 sổ tiết kiệm trị giá 290.000.000đ và yêu cầu chị T3 chuyển số tiền 94.500.000 đồng để được nhận giải. Chị T3 tin tưởng, nên đã nhờ người đến mua nông sản nhà chị T3 chuyển số tiền 44.500.000 đồng và nhờ chị Trần Thị H1, sinh năm 1985, ở xóm Y, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (là em gái) chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Nhân Quốc H do T cung cấp, tổng cộng chị T3 đã chuyển khoản 94.500.000 đ cho T và H. Sau khi chuyển tiền, chị T3 không thấy người đến trao thưởng, gọi điện lại thì T và H không nghe máy mới biết mình bị lừa nhưng không báo cáo Công an.

Ngày 05/12/2020, Nguyễn Văn H và Lý Xuân T đến Công an phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Số tiền chiếm đoạt được của chị C và chị T3, T đã yêu cầu bị hại chuyển trực tiếp vào tài khoản game 188 Sport để H và T chơi game. Tài khoản mang tên Nhân Quốc H1 là tài khoản game, H và T không biết là của ai.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn đã có công văn trao đổi với ngân hàng sao kê lịch sử giao dịch của tài khoản mang tên Nhân Quốc H1, số tiền chuyển đến tài khoản này phù hợp với lời khai những người bị hại. Đồng thời, yêu cầu ngân hàng cung cấp địa chỉ và các thông tin của chủ tài khoản Nhân Quốc H1 để điều tra. Ngày 02/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn đã ban hành Công văn số 42/CSĐT về việc đề nghị Công an quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xác minh đối tượng tên Nhân Quốc H1, lấy lời khai làm rõ một số vấn đề liên quan nhưng chưa có kết quả, nên tách nội dung này, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Bản cáo trạng số 33/CT- VKS, ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H và Lý Xuân T

phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo lừa đảo tài sản nhằm mục đích lấy tiền chơi game, nếu thắng thì sẽ rút ra lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tài khoản game mang tên Nhân Quốc H các bị cáo đều không biết là tài khoản của ai, chỉ biết khi muốn chơi game thì phải nhập tiền vào tài khoản này để chơi.

Người bị hại là chị Lê Thị C trình bày, quá trình điều tra gia đình các bị cáo T và H đã bồi thường cho chị đủ số tiền 22.500.000đ, chị không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hình phạt đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị T3 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra chị T3 đã nhận được số tiền bồi thường từ gia đình các bị cáo 71.000.000đ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt và đơn yêu cầu bồi thường, chị T3 yêu cầu bị cáo H và T phải bồi thường cho chị số tiền 23.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Lý Xuân T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 04 năm 06 tháng đến 04 năm 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2020; Lý Xuân T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 5/12/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo H và T phải liên đới bồi thường cho chị Trần Thị T3 số tiền 23.000.000đ.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 08 điện thoại di động.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Bị cáo Lý Xuân T tranh luận về hình phạt với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng Viện Kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù là quá cao. Bị cáo Nguyễn Văn H không có tranh luận gì. Tại lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào phòng nghị án, bị cáo H và T đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[1] *Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:* Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Những chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bởi: Vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, lời khai của các bị cáo, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nên đủ cơ sở để kết luận: Ngày 19/11/2020, Nguyễn Văn H giả danh là cán bộ ngân hàng gọi điện cho chị Lê Thị C và ngày 02/12/2020 với cùng thủ đoạn, gọi điện cho chị Trần Thị T3 thông báo chị C và chị T3 đã trúng thưởng giải nhì trong chương trình quay số điện thoại ngẫu nhiên từ hệ thống Ngân hàng Vietcombank và cung cấp số điện thoại của người đã trúng giải nhất để chị C và chị T3 gọi điện xác minh. Sau đó, H bảo T giả danh là người trúng thưởng; Giả danh là cảnh sát giao thông và nhân viên thu ngân của ngân hàng yêu cầu chị C và chị T3 chuyển tiền vào tài khoản game mang tên Nhân Quốc H do T cung cấp để H và T chia nhau chơi game. T và H đã chiếm đoạt được của chị C 22.500.000 đồng, của chị T3 94.500.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3] *Xét tính chất vụ án:* Xuất phát từ động cơ mục đích tư lợi, lười lao động, ham chơi game, không có việc làm ổn định, nên các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền chơi game và tiêu xài các nhân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, đặc biệt với hành vi gọi điện ngẫu nhiên như vậy, sẽ ảnh hưởng đến nhiều người trên địa bàn cả nước, đã gây hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. *Xét vai trò của các bị cáo:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, đều là người lên phương án và cùng thực hành hành vi phạm tội, nhưng mỗi bị cáo có mức độ, hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo H là người chủ động gọi điện vào số điện thoại bất kỳ để đưa ra các chiêu thức lừa đảo và tạo niềm tin ban đầu cho các bị hại, sau đó T là người giả danh các vai trò khác nhau để tiếp tục tạo niềm tin cho các bị hại.

Bị cáo T là người chủ động gọi điện thoại cho H vào ngày 19/10/2020 để rủ H đi lừa đảo, T thực hiện việc giả danh những người có vai trò khác nhau để thực hiện hành vi lừa đảo, yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào số tài khoản game để cả hai hưởng lợi cá nhân. Bị cáo T đã từng bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội " gây rối trật tự công cộng", đã chấp hành xong án phạt tù ngày 11/7/2018, như vậy bị cáo có nhân thân xấu nhưng lại không chấp hành các quy định của pháp luật.

Mặc dù các bị cáo đều là người cùng bàn bạc và lên phương án lừa đảo, cùng hưởng lợi như nhau. Xét về vai trò thì H là người có vai trò quan trọng hơn bị cáo T, nhưng T lại có nhân thân xấu. Vì vậy khi lượng hình cũng cần căn cứ vào trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo để đưa ra mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng " phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo " thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", " tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại" và sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Nguyễn Văn H và Lý Xuân T đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

[6] Về trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ răn đe, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng phạt bổ sung.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị C bị lừa đảo 22.500.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và chị Trần Thị T3 bị lừa đảo 94.500.000đ (chín tư triệu năm trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra, H và T đã tác động gia đình thay mặt mình liên đới bồi thường cho gia đình chị C đủ số tiền 22.500.000đ, bồi thường cho chị Tươi 71.000.000đ (bảy mươi một triệu đồng). Chị C không yêu cầu bồi thường gì thêm, chị T3 yêu cầu các bị cáo bồi thường cho chị số tiền 23.000.000đ.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 08 điện thoại di động do các bị cáo dùng để gọi điện lừa đảo các bị hại. Số sim rác các bị cáo sử dụng để gọi điện lừa đảo, sau khi thực hiện xong, các bị cáo đều bẻ sim rồi vứt đi.

[9] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38, Khoản 1,2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Điều 331, 333; 336 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tiểu mục 1, mục I danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết 326;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H và Lý Xuân T phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 42 (bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2020.

Bị cáo Lý Xuân T 40 (bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2020.

Phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 587 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho chị Trần Thị T3 số tiền 23.000.000đ. Chia phần bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường cho chị T3 11.500.000đ; Bị cáo Lý Xuân T bồi thường cho chị T3 11.500.000đ (mười một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, thì người phải thi hành án dân sự, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 08 điện thoại di động gồm:

01 điện thoại Iphone 7 màu đen, đã qua sử dụng, không lên nguồn, không kiểm tra được Imei;

01 điện thoại Nokia 105 màu đen, có Imei: 35773210601682, đã qua sử dụng;

01 điện thoại nokia 105 màu đen, có Imei: 353147111043065, đã qua sử dụng, lắp sim: 0899051849;

01 điện thoại Nokia 105 màu xanh tím than có Imei: 353119114230127, lắp sim số: 0862490642, đã qua sử dụng, không lên nguồn.

01 điện thoại Iphone X, màu đen, đã qua sử dụng, không lên nguồn, không kiểm tra được Imei;

01 điện thoại Redmi màu trắng đen có seri: 11566408 đã qua sử dụng;

01 điện thoại Nokia 105 màu đen có Imei: 352877100611305, đã qua sử dụng, không lên nguồn.

01 điện thoại Nokia 1208 màu xanh có Imei: 351876028939238, máy bị mất màn hình ngoài, mất vỏ ốp sau, đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên hiện đang quy trữ tại chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên bản bàn giao tang vật ngày 07/6/2021.

Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 575.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 575.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- THA huyện Triệu Sơn
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

